

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 10 - 2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đồng Nhân;

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 07 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 09 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn P, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 07 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Năm 1984 bà C và ông P có tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn, do không biết quy định của pháp luật.

Lý do ly hôn: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Bà C và ông P sống ly thân từ năm 2008 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không hòa giải được mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không thể tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh phúc nên bà C yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn P.

- Về nuôi con: Có 03 người con chung tên Võ (Võ) Văn A, sinh năm 1984 (nam); Võ (Võ) Thị N, sinh năm 1987 (nữ) và Võ Thị B, sinh năm 1988 (nữ). Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà C và ông P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Võ Văn P:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông P không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà C yêu cầu ly hôn, con chung, về tài sản chung và công nợ. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông P vẫn không tham gia.

Tại phiên tòa: Bà C và ông P vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị C yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn P ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Thị C có đơn xin vắng mặt các phiên xét xử, vì hoàn cảnh khó khăn, bận đi làm xa nên không thể tham gia phiên tòa được, yêu cầu này của bà C là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Võ Văn P đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Võ Văn P.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà C và ông P có thời gian tìm hiểu và chung sống vào năm 1984, hôn nhân không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông P mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình và điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật HN-GĐ năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn”. Vì vậy hôn nhân giữa bà C và ông P là quan hệ hôn nhân thực tế và hợp pháp bắt đầu kể từ ngày xác lập.

Quá trình chung sống, bà C và ông P thường xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường hay cự cãi. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu ly hôn với ông P, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông P không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà C, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông P không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải hàn gắn hôn nhân, mặt khác hai đương sự đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân giữa bà C và ông P đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị C đối với ông Võ Văn P theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có 03 người con tên Võ (Võ) Văn A, sinh năm 1984 (nam); Võ (Võ) Thị N, sinh năm 1987 (nữ) và Võ Thị B, sinh năm 1988 (nữ). Khi ly hôn các con đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân gia đình đến nay thì ông P không có văn bản yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

- Về chia tài sản chung, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét về việc nuôi con, về chia tài sản và công nợ là có cơ sở.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Lê Thị C phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà C được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, Điều 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị C ly hôn đối với ông Võ Văn P.
2. Về nuôi con, chia tài sản chung, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí: Bà Lê Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà C được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006811 ngày 31 tháng 07 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền